

V/v: Giải trình chênh lệch LNST
quý III/2019 và 9 tháng năm
2019

Thanh Ba, ngày 16 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ và có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước của Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý III/2019 và 9 tháng năm 2019 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

1. Báo cáo quý III/2019 và quý III/2018

Chỉ tiêu	Quý III/2019	Quý III/2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.947	54.347	(401)	(0,7)
Các khoản giảm trừ	541	621	(80)	(12,8)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	53.405	53.727	(321)	(0,6)
Giá vốn hàng bán	53.280	50.100	3.180	6,3
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	126	3.626	(3.501)	(96,5)
Doanh thu hoạt động tài chính	0,2	0,2	0,0	12,4
Chi phí tài chính	5.900	6.714	(815)	(12,1)
Chi phí bán hàng	1.518	1.254	263	21,0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.247	3.246	0	0,0
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.538)	(7.589)	(2.950)	38,9
Thu nhập khác	-	33	(33)	(100,0)
Chi phí khác	-	154	(154)	(100,0)
Lợi nhuận khác	-	(121)	121	(100,0)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.538)	(7.710)	(2.829)	36,7
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.538)	(7.710)	(2.829)	36,7

Lợi nhuận sau thuế quý III/2019 của Công ty lỗ 10.538 triệu đồng tăng lỗ 2.829 triệu đồng so với quý III/2018(quý III/2018 lỗ 7.710 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do gặp sự cố, Công ty phải cho dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục(dừng tổng thời gian gần 51 ngày/92 ngày theo lịch bằng 55,43%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 47,76 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý III/2019 là: 53.405 triệu đồng giảm so với quý III/2018(53.727 triệu đồng) là: 0,6% tương ứng với 321 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ quý III/2019 là: 60.121,59 tấn xi măng tăng so với quý III/2018 (58.443,3 tấn) là: 2,87% .Giá vốn hàng bán tăng từ 50.100 triệu đồng của quý III/2018 lên 53.280 triệu đồng quý III/2019(tăng 6,3 % tương ứng tăng 3.180 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong quý III/2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện quý III/2018; giá than bình quân tăng từ tăng từ 336.996 đồng/ tấn Clinker quý III năm 2018 lên 396.580 đồng/ tấn Clinker quý III/2019(do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý III/2019 giảm 3.501 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý III/2019 là: 1.518 triệu đồng tăng 21% tương đương 263 triệu đồng so với quý III/2018(1.254 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý III/2019 (3.247 triệu đồng) tương đương với quý III/2018 (3.246 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 815 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III/2019 giảm so với quý III/2018 là: 2.950 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 121 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý III/2019 giảm 2.829 triệu đồng so với quý III/2018.

2. Báo cáo 9 tháng năm 2019 và 9 tháng năm 2018

Chỉ tiêu	9 tháng 2019	9 tháng 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.987	180.942	(11.955)	(6,6)
Các khoản giảm trừ	1.985	2.247	(261)	(11,6)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	167.002	178.695	(11.693)	(6,5)
Giá vốn hàng bán	168.454	159.844	8.610	5,4
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	(1.452)	18.851	(20.303)	(107,7)
Doanh thu hoạt động tài chính	5	1	4	308,9
Chi phí tài chính	16.936	20.131	(3.195)	(15,9)
Chi phí bán hàng	4.274	6.157	(1.883)	(30,6)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.781	9.420	361	3,8
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(32.438)	(16.856)	(15.582)	92,4
Thu nhập khác	8	1.172	(1.163)	(99,3)
Chi phí khác	9	178	(169)	(94,9)
Lợi nhuận khác	(1)	994	(995)	(100,1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(32.439)	(15.862)	(16.576)	104,5
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(32.439)	(15.862)	(16.576)	104,5

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2019 của Công ty lỗ 32.439 triệu đồng tăng lỗ 16.576 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018(lỗ 15.862 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục (dừng 27 lần với tổng thời gian gần 131 ngày/273 ngày theo lịch bằng 47,99%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 53,96 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 9 tháng năm 2019 là: 167.002 triệu đồng giảm so với 9 tháng năm 2018 (178.695 triệu đồng) là: 6,5% tương ứng với 11.693 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ 9 tháng năm 2019 là: 180.344,69 tấn xi măng giảm so với 9 tháng năm 2018 (200.729,54 tấn) là: 10,16 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 159.844 triệu đồng của 9 tháng năm 2018 lên 168.454 triệu đồng 9 tháng năm 2019(tăng 5,4 % tương ứng tăng 8.610 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong 9 tháng năm 2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện 9 tháng năm 2018; giá than bình quân tăng từ 326.373 đồng/ tấn Clinker tại 9 tháng năm 2018 lên 411.339 đồng/ tấn Clinker vào 9 tháng năm 2019 (do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 9 tháng năm 2019 giảm 20.303 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 9 tháng năm 2019 là: 4.274 triệu đồng giảm 30,6% tương đương 1.883 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018(6.157 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 9 tháng năm 2019 (9.781 triệu đồng) tăng 361 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018 (9.420 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 3.195 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 9 tháng năm 2019 giảm so với 9 tháng năm 2018 là: 15.582 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 995 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng năm 2019 giảm 16.576 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018.

II. Báo cáo tài chính vắn phòng:

1. Báo cáo quý III/2019 và quý III/2018

Chỉ tiêu	Quý III/2019	Quý III/2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.947	54.347	(401)	(0,7)
Các khoản giảm trừ	541	621	(80)	(12,8)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	53.405	53.727	(321)	(0,6)
Giá vốn hàng bán	53.280	50.100	3.180	6,3
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	126	3.626	(3.501)	(96,5)
Doanh thu hoạt động tài chính	0,2	0,2	0,0	12,4
Chi phí tài chính	5.900	6.714	(815)	(12,1)
Chi phí bán hàng	1.518	1.254	263	21,0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.247	3.246	0	0,0
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.538)	(7.589)	(2.950)	38,9
Thu nhập khác	-	33	(33)	(100,0)
Chi phí khác	-	154	(154)	(100,0)
Lợi nhuận khác	-	(121)	121	(100,0)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.538)	(7.710)	(2.829)	36,7
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.538)	(7.710)	(2.829)	36,7

Lợi nhuận sau thuế quý III/2019 của Công ty lỗ 10.538 triệu đồng tăng lỗ 2.829 triệu đồng so với quý III/2018(quý III/2018 lỗ 7.710 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do gặp sự cố, Công ty phải cho dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục(dừng tổng thời gian gần 51 ngày/92 ngày theo lịch bằng 55,43%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 47,76 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý III/2019 là: 53.405 triệu đồng giảm so với quý III/2018(53.727 triệu đồng) là: 0,6% tương ứng với 321 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ quý III/2019 là: 60.121,59 tấn xi măng tăng so với quý III/2018 (58.443,3 tấn) là: 2,87% .Giá vốn hàng bán tăng từ 50.100 triệu đồng của quý III/2018 lên 53.280 triệu đồng quý III/2019(tăng 6,3 % tương ứng tăng 3.180 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong quý III/2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện quý III/2018; giá than bình quân tăng từ tăng từ 336.996 đồng/ tấn Clinker quý III năm 2018 lên 396.580 đồng/ tấn Clinker quý III/2019(do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý III/2019 giảm 3.501 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý III/2019 là: 1.518 triệu đồng tăng 21% tương đương 263 triệu đồng so với quý III/2018(1.254 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý III/2019 (3.247 triệu đồng) tương đương với quý III/2018 (3.246 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 815 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III/2019 giảm so với quý III/2018 là: 2.950 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 121 triệu đồng , làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý III/2019 giảm 2.829 triệu đồng so với quý III/2018.

2. Báo cáo 9 tháng năm 2019 và 9 tháng năm 2018

Chỉ tiêu	9 tháng 2019	9 tháng 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.987	180.942	(11.955)	(6,6)
Các khoản giảm trừ	1.985	2.247	(261)	(11,6)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	167.002	178.695	(11.693)	(6,5)
Giá vốn hàng bán	168.454	159.844	8.610	5,4
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	(1.452)	18.851	(20.303)	(107,7)
Doanh thu hoạt động tài chính	5	1	4	308,9
Chi phí tài chính	16.936	20.131	(3.195)	(15,9)
Chi phí bán hàng	4.274	6.157	(1.883)	(30,6)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.781	9.420	361	3,8
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(32.438)	(16.856)	(15.582)	92,4
Thu nhập khác	8	1.172	(1.163)	(99,3)
Chi phí khác	9	178	(169)	(94,9)
Lợi nhuận khác	(1)	994	(995)	(100,1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(32.439)	(15.862)	(16.576)	104,5
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(32.439)	(15.862)	(16.576)	104,5

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2019 của Công ty lỗ 32.439 triệu đồng tăng lỗ 16.576 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018(lỗ 15.862 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục (dừng 27 lần với tổng thời gian gần 131 ngày/273 ngày theo lịch bằng 47,99%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, năng suất dây truyền chỉ đạt 53,96 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 9 tháng năm 2019 là: 167.002 triệu đồng giảm so với 9 tháng năm 2018 (178.695 triệu đồng) là: 6,5% tương ứng với

11.693 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ 9 tháng năm 2019 là: 180.344,69 tấn xi măng giảm so với 9 tháng năm 2018 (200.729,54 tấn) là: 10,16 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 159.844 triệu đồng của 9 tháng năm 2018 lên 168.454 triệu đồng 9 tháng năm 2019(tăng 5,4 % tương ứng tăng 8.610 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong 9 tháng năm 2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện 9 tháng năm 2018; giá than bình quân tăng từ 326.373 đồng/ tấn Clinker tại 9 tháng năm 2018 lên 411.339 đồng/ tấn Clinker vào 9 tháng năm 2019 (do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 9 tháng năm 2019 giảm 20.303 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 9 tháng năm 2019 là: 4.274 triệu đồng giảm 30,6% tương đương 1.883 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018(6.157 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 9 tháng năm 2019 (9.781 triệu đồng) tăng 361 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018 (9.420 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 3.195 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 9 tháng năm 2019 giảm so với 9 tháng năm 2018 là: 15.582 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 995 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng năm 2019 giảm 16.576 triệu đồng so với 9 tháng năm 2018.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Chuẩn